

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày 24-02-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huy Huân.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường;

Bà Vương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Ngọc Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh H.

Địa chỉ: Tổ 03, thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H1.

ĐKHKT: Tổ 03, thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ hiện nay: thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2. Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang. (Không tham gia tố tụng).

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Quốc H1.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang vào ngày

16/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi sinh cháu Nguyễn Thảo M1 và mua xe ô tô, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về chuyện làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, chửi bới, xúc phạm nhau, anh H1 bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình con cái. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016 và từ đó đến nay hai người sống ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, hỏi thăm nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H1.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo M1 sinh ngày 17/7/2010, hiện nay cháu M1 đang ở với chị tại: Tổ 03, thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu M1 đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi và yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.200.000đ/tháng đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Gồm 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO loại xe LACETTI màu sơn đen mua năm 2015 trị giá lúc mua 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) mua trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình tố tụng, chị H cho rằng đối với chiếc xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO loại xe LACETTI biển kiểm soát 99A-004.27 màu sơn đen mang tên ông Nguyễn Văn C, mua năm 2015 trị giá là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) là tài sản riêng của chị, anh H1 không có liên quan, không đóng góp gì, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chiếc xe hiện nay anh H1 đang chiếm đoạt sử dụng riêng chị yêu cầu anh H1 trả lại chiếc xe cho chị để chị đăng ký sang tên chính chủ và được sử dụng.

Đối với số tài sản theo anh H1 trình bày là 01 thổ đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 049723, cấp ngày 28/6/2011, mang tên anh Nguyễn Quốc H1 và chị Nguyễn Thanh H; Thửa đất số 24la thuộc tờ bản đồ giải thửa số F485470, có diện tích là 450m² tại: Thôn Việt Thành, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang thuộc loại đất trồng cây lâu năm. Toàn bộ diện tích đất trên là đất của chị H mua trước khi chị xây dựng gia đình với anh H1, anh H1 không có liên quan gì. Việc anh H1 có tên trong sổ bia đỏ là do quá trình kê khai xin cấp quyền sử dụng đất đã kê khai anh H1 theo hộ khẩu của gia đình, khi ly hôn chị không nhất trí chia.

Ngày 17/10/2019, chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản là chiếc ô tô con hiệu LACETTI, cùng ngày Tòa án nhân dân huyện V ra quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của đương sự đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Về công nợ:

+ Vợ chồng chị có vay Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang với số tiền là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và theo giấy xác nhận nợ của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V kể cả gốc và lãi tính đến ngày 23/5/2019 là 633.680.000 (Sáu trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi ly hôn chị yêu cầu được chia đôi số nợ gốc và lãi và yêu cầu anh H1 có trách nhiệm phải trả một nửa số tiền gốc và tiền lãi từ tháng 07/2018 đến nay cho chị để chị trả cho quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang theo hợp đồng đã ký.

Đối với số công nợ anh H1 trình bày là vào năm 2012, vợ chồng chị có vay chị Nguyễn Thị Hải Y1 (chị gái anh H1); Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang số tiền là: 115.000.000đ (*Một trăm mười năm triệu đồng*) mục đích vay để mua xe MATIT vợ chồng chị đã trả dần đến nay không còn nợ nữa.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 xác nhận đúng như chị H trình bày. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh H1 xác nhận vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo M1 như chị H trình bày. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu M1 đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Gồm:

+ 01 mảnh đất rộng 16m, dài 30m đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 049723 ngày 28/6/2001 mang tên Nguyễn Quốc H1 và vợ là Nguyễn Thanh H, địa chỉ: thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang.

+ 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO loại xe LACETTI biển kiểm soát 99A-004.27 màu sơn đen mang tên ông Nguyễn Văn C, mua năm 2015 như chị H mô tả.

- Về công nợ:

+ Vay chị Nguyễn Thị Hải Y1, số tiền là 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*); đã trả 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), còn nợ 92.000.000đ (*Chín mươi hai triệu đồng*).

+ Vay Quỹ tín dụng số tiền 530.000.000đ (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) anh ký tên người thừa kế. Khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi về tài sản và các khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

Áp dụng: + Điều 32 và khoản 1, 6 Điều 37; Điều 55; khoản 1 khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

+ Điều 357 và Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự.

+ Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Quốc H1.

2. Về con chung xử chia giao như sau:

- Giao cháu Nguyễn Thảo M1, sinh ngày 17/7/2010 cho chị Nguyễn Thanh H; địa chỉ: tổ 03, thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thảo M1 đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Quốc H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Thảo My đủ 18 tuổi cho chị H là người trực tiếp nuôi cháu nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh H1 được quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

3. Về công nợ chung chia giao như sau: Theo Điều 32 và khoản 1, khoản 6 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự.

- Chị Nguyễn Thanh H, địa chỉ: Tổ 03, thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/5/2019 là: 316.840.000đ (Trong đó nợ gốc là 300.000.000đ nợ lãi là:16.840.000đ) theo bản hợp đồng tín dụng số: 2018-1-00592 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Buộc anh Nguyễn Quốc H1, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 23-5-2019 là: 316.840.000đ (Trong đó nợ gốc là 300.000.000đ nợ lãi là:16.840.000đ) cho chị Nguyễn Thanh H, trả món nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang, theo bản hợp đồng tín dụng số: 2018-1-00592 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Quỹ tín dụng thị trấn nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 176/2020/QĐ-SCBSB ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Buộc chị Nguyễn Thanh H, địa chỉ: Tổ 03, thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Hà Giang phải có trách nhiệm trả số nợ gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và lãi theo bản hợp đồng tín dụng số: 2018-1-00592 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Buộc anh Nguyễn Quốc H1, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23-5-2019 là: 316.840.000đ (Trong đó nợ gốc là 300.000.000đ nợ lãi là:16.840.000đ) và khoản lãi xuất chậm trả theo quy định của pháp luật để chị H trả khoản nợ theo bản hợp đồng tín dụng số: 2018-1-00592 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V2, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án, về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019, bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về phân tài sản. Ngày 29/11/2019 Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày

31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện V cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về phần chia tài sản, giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V đối với phần chia tài sản và công nợ chung; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là trong thời hạn luật định. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản, bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 đồng ý với việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị H. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản và việc đồng ý của bị đơn với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V về phần chia tài sản và đình chỉ giải quyết 01 phần vụ án về phần chia tài sản. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về phần chia tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, trong vụ án này Tòa án sơ thẩm chỉ giải quyết một phần công nợ chung theo yêu cầu của nguyên đơn, chưa làm rõ yêu cầu phản tố của bị đơn và chưa giải quyết về phần tài sản chung, công nợ chung liên quan đến việc phản tố, tại phiên tòa nguyên đơn đã yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản, bị đơn đồng ý, do vậy cấp phúc thẩm không xem xét

kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát liên quan đến phân chia tài sản.

[4] Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang cho rằng đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H không đúng mẫu số 23-DS do Tòa án nhân dân tối cao ban hành. Xét thấy: Đối chiếu đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H với mẫu số 23-DS quy định về mẫu Đơn khởi kiện (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) thấy rằng về hình thức đơn của chị H chưa tuân thủ đúng mẫu đối với đơn khởi kiện. Mặc dù hình thức đơn khởi kiện của chị H chưa đúng mẫu do Tòa án nhân dân tối cao ban hành, tuy nhiên nội dung đơn khởi kiện của chị H đã thể hiện đầy đủ những nội dung chính theo quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Tòa án vẫn chấp nhận và giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, vi phạm này không nghiêm trọng nên kháng nghị này của Viện kiểm sát là không cần thiết.

[5] Những nội dung của bản án sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H về phân chia tài sản.

Căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 và điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V về phân chia tài sản trong vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H, bị đơn anh Nguyễn Quốc H1 và đình chỉ giải quyết một phần vụ án về phân chia tài sản.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Chị Nguyễn Thanh H phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Anh Nguyễn Quốc H1 phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh Nguyễn Quốc H1 số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chênh lệch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V tại biên lai thu số 01956 ngày 20/11/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Huy Huân

